TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 09-3-2023
V/v: Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Thúy Hằng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Kiện**

2. Ông **Danh Chung**

Thư ký phiên toà: Ông **Lý Văn Toán**– Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 09 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ch, tỉnh K, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2023, về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2023/QĐXX-ST ngày 20 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Văn S,** sinh năm 1975

Địa chỉ: ấp V, xã V, huyện Ch, tỉnh K.

(Anh Nguyễn Văn S vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt)

** Bị đơn:* Chị **Phạm Thị Tuyết Nh,** sinh năm 1972

Địa chỉ: ấp V, xã V, huyện Ch, tỉnh K.

(Chị Phạm Thị Tuyết Nh có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 30-01-2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn S trình bày:*Vào năm 1991 anh và chị Phạm Thị Tuyết Nh thành lập gia đình với nhau trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình chung sống những năm đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng thời gian về sau thường xãy ra mâu thuẫn, cải vả với nhau, hay bất đồng về cách sống và sinh hoạt hàng ngày dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa anh và chị Nh không còn, không thể chung sống với nhau với nhau được nữa nên Anh S quyết định ly hôn với chị Phạm Thị Tuyết Nh.

Quá trình chung sống anh và chị Nh có chung với nhau 03 con : 1/Nguyễn Thị Bé M, sinh năm 1992; 2/ Nguyễn Thị Trúc M2, sinh năm 2003 và Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 29-5-2006.

Các con Nguyễn Thị Bé M, sinh năm 1992; 2/ Nguyễn Thị Trúc M2, sinh năm 2003 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, đồng ý giao con tên Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 29-5-2006 cho vợ (Phạm Thị Tuyết Nh) tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung : Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung : Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Văn S vắng mặt nhưng tại đơn khởi kiện ngày 30-01-2023; Biên bản hòa giải ngày 20-02-2023 và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 21-02-2023 anh S có yêu cầu:

-Về hôn nhân : Xin được ly hôn với chị Phạm Thị Tuyết Nh

- Về con chung: Các con Nguyễn Thị Bé M, sinh năm 1992 và Nguyễn Thị Trúc M2, sinh năm 2003 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, đồng ý giao con tên Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 29-5-2006 cho vợ (Phạm Thị Tuyết Nh) tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung : Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Phạm Thị Tuyết Nh trình bày: Chị thống nhất với lời trình bày của anh Nguyễn Văn S về hôn nhân, về nguyên nhân mâu thuẫn cũng như về con chung, về tài sản chung và nợ chung là đúng.

Nay anh S yêu cầu xin ly hôn thì chị có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Văn S

- Về con chung: Các con Nguyễn Thị Bé M, sinh năm 1992 và Nguyễn Thị Trúc M2, sinh năm 2003 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con tên Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 29-5-2006, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung : Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghị án, Toà án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ngày 30-01-2023 anh Nguyễn Văn S có đơn khởi kiện xin ly hôn với chị Phạm Thị Tuyết Nh. Đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn" theo Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Nguyên đơn anh Nguyễn Văn S có đơn xin xét xử vắng mặt, tại phiên tòa bị đơn thống nhất xử vắng mặt nguyên đơn. Do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn là phù hợp theo quy định pháp luật.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Nguyễn Văn S và chị Phạm Thị Tuyết Nh chung sống với nhau vào năm 1991 trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, nhưng không đăng ký kết hôn là không tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật, nên đây là hôn nhân không hợp pháp, vì đã vi phạm khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý".

Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng..."

Do đó không công nhận anh Nguyễn Văn S và chị Phạm Thị Tuyết Nh là vợ chồng, là phù hợp pháp luật.

[3] *Về con chung:* anh Nguyễn Văn S và chị Phạm Thị Tuyết Nh đều xác nhận trong thời gian chung sống anh, chị có 03 người con chung :1/Nguyễn Thị Bé M, sinh năm 1992; 2/ Nguyễn Thị Trúc M2, sinh năm 2003 và Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 29-5-2006. Trong quá trình giải quyết vụ án anh S và chị Nh xác nhận hiện nay 02 con Nguyễn Thị Bé M, sinh năm 1992 và Nguyễn Thị Trúc M2, sinh năm 2003 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; đồng thời thống nhất thỏa thuận giao con tên Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 29-5-2006 cho chị Nh trực tiếp chăm sóc, nuôi

dưỡng. HĐXX xét thấy sự thỏa thuận này của anh S và chị Nh phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và cũng phù hợp theo nguyện vọng của con, nên HĐXX ghi nhận.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã giải thích cho chị Nh về quyền yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Văn Đ cho đến khi đủ 18 tuổi theo quy định của pháp luật, nhưng chị Nh xác định không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con và việc chị Nh không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi các con là hoàn toàn tự nguyện nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn S và chị Nguyễn Phạm Thị Tuyết Nh xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về nợ chung: Anh Nguyễn Văn S và chị Phạm Thị Tuyết Nh cam kết không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Nguyễn Văn S là nguyên đơn do đó phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn S và chị Phạm Thị Tuyết Nh.

2.Về con chung: Anh Nguyễn Văn S và chị Phạm Thị Tuyết Nh xác nhận hiện nay 02 con Nguyễn Thị Bé M, sinh năm 1992 và Nguyễn Thị Trúc M2, sinh năm 2003 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa anh Nguyễn Văn S và chị Phạm Thị Tuyết Nh giao con tên Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 29-5-2006 cho chị Nh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng (phù hợp với nguyện vọng của con). Chị Nh không yêu cầu anh S vụ cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn S và chị Phạm Thị Tuyết Nh xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyến, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Anh Nguyễn Văn S và chị Phạm Thị Tuyết Nh xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5.Về án phí: Anh Nguyễn Văn S phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng anh S được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0005307, ngày 01 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ch, tỉnh K; anh Sơn không phải nộp thêm.

" Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014".

6.Quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Tuyết Nh có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn S vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thúy Hằng

Nơi nhận:
- Các đ- ơng sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Viện Kiểm sát huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành
- L- u hồ sơ.